

PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TÍN NGƯỠNG TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC THIẾU SỐ HIỆN NAY

TS LÊ VĂN LỢI

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Văn hóa tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số là bộ phận hợp thành nền văn hóa dân tộc. Tồn tại và phát triển trong sự gắn bó hữu cơ với niềm tin về cái siêu nhiên, văn hóa tín ngưỡng đã đi vào mạch sống của từng cộng đồng tộc người, góp phần làm nên sắc thái văn hóa riêng biệt ở mỗi tộc người và sự đa dạng của nền văn hóa Việt Nam.

1. Vài nét về văn hóa tín ngưỡng truyền thống của dân tộc thiểu số

Các dân tộc thiểu số ở nước ta chủ yếu sinh sống ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, là địa bàn rộng lớn, chiếm tới ¼ diện tích cả nước. Đời sống kinh tế của đồng bào còn khó khăn, kinh tế chủ yếu vẫn dựa trên sản xuất nông nghiệp cỏ truyền. Các dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng dân số cả nước và phân bố rải rác, đan xen nhau. 53 dân tộc thiểu số có ngôn ngữ riêng và thuộc một trong 4 ngữ hệ ở Việt Nam, gồm: ngữ hệ Nam Á; ngữ hệ Thái; ngữ hệ Hán và ngữ hệ Nam Đảo. Đời sống văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số rất phong phú, đa dạng và mang đậm bản sắc của từng dân tộc.

Về đời sống tín ngưỡng, tâm linh, đa phần các dân tộc thiểu số đều theo tín ngưỡng đa thần, thờ cúng rất nhiều các vị thần khác nhau. Đời sống tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc thiểu số hệt sức phong phú, đa dạng với nhiều loại thần linh, nhiều đối tượng và nhiều nghi thức thờ cúng. Qua nghiên cứu có thể phân chia tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc thiểu số thành các hình thái như: tín ngưỡng thờ Tổ tiên, tín ngưỡng

thờ Thần và tín ngưỡng thờ Mẫu¹; tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng cá nhân, tín ngưỡng nghề nghiệp và tín ngưỡng thờ Thần².

Các giá trị văn hóa phi vật thể trầm tích trong các tín ngưỡng truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số vô cùng phong phú. Trong mỗi loại hình tín ngưỡng của từng dân tộc đều chứa đựng vú trụ quan và nhân sinh quan thô sơ nhưng độc đáo, thể hiện khát vọng của đồng bào về một cuộc sống tốt đẹp, về tình cảm gắn bó với quê hương, làng bản, về mối dây liên hệ hữu cơ giữa con người với thiên nhiên, về tình cảm mật thiết giữa người đang sống với người đã khuất...

Văn hóa tín ngưỡng của dân tộc thiểu số là hình thái sinh hoạt tinh thần làm này sinh và tích hợp nhiều giá trị văn học nghệ thuật đặc sắc. Các tác phẩm văn học dân gian phục vụ cho nghi lễ, tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc thiểu số khá phong phú. Có thể kể như: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ, tục ngữ; sử thi, thơ ca, văn khấn, văn tế, hệ thống các bài mo... Dân tộc Thái có cả hệ thống các tác phẩm văn học, các sách ghi chép về lịch sử, xã hội, các sách ghi chép về luật tục... Dân tộc Mường có các bài mo gồm mo lễ tang, mo cầu cúng vía (mo của người

Mường gồm có mo ma, mo ma nhà (khán), mo vái); các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên có các “Sú thi” hay còn gọi là các áng anh hùng ca vồn hình thành trên nền tảng thần thoại, được diễn xướng trong các sinh hoạt cộng đồng, trong các lễ nghi thờ cúng thần linh... Thơ ca của các dân tộc thiểu số không phải để đọc mà chủ yếu là để hát, ngâm trong các nghi lễ cúng tế, trong các lễ hội gắn liền với không gian thiêng. Đặc biệt, việc bảo lưu nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật, văn hóa tín ngưỡng góp phần lưu giữ và làm phong phú cho ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số.

Văn hóa tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số tích hợp nhiều hình thức diễn xướng giàu tính thẩm mỹ, tính nhân văn thể hiện bằng lời nói, kể, ví, vè, hát, hò, trò, múa, lễ, nhạc,... Hầu hết các dân tộc thiểu số đều có nghệ thuật diễn xướng vô cùng phong phú được thể hiện trong các nghi lễ cầu cúng, trong cưới xin, tang ma, lễ hội. Trong các nghi lễ cúng tế, các bài văn cúng thường được các thầy mo, thầy cúng đọc theo lối kè hoặc hát. Đặc biệt trong nghệ thuật diễn xướng của đồng bào các dân tộc thiểu số còn phải kể đến múa nghi lễ, đây là loại hình múa nhảy dâng các lễ vật cầu xin, tạ ơn thần linh hoặc thông qua múa để các thầy cúng, thầy mo đạt trạng thái thoát hồn để thông quan với thần linh, ma quỷ. Sinh hoạt tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc thiểu số luôn gắn liền với âm nhạc. Nhạc cụ của đồng bào các dân tộc thiểu số gồm có: khèn, sáo, trống, phách, cồng, chiêng, tù và, lắc tay... Âm nhạc đóng một vai trò quan trọng trong các nghi lễ cúng tế thần linh, trong cưới hỏi, tang ma và trong lễ hội của đồng bào các dân tộc.

Bao trùm lên tất cả trong đời sống tín ngưỡng nói riêng, đời sống tinh thần của các dân tộc thiểu số nói chung là lễ hội truyền thống, biều thị những quan niệm của họ về vũ trụ, tự nhiên, về

con người và cuộc sống nhân sinh. Mỗi dân tộc thiểu số đều có những lễ hội đặc sắc gắn liền với tín ngưỡng của mình. Người Thái có lễ hội xuống đồng, lễ Xén bàn, Xén Mường...; người Mường có lễ hội xuống đồng, lễ Thượng diền, lễ Hạ diền, lễ com mới...; người Mông có lễ cúng tổ tiên, lễ ăn thè, lễ cầu may, lễ gọi hồn, lễ “sải sán” (choi núi), lễ Gấu tào; người Tày, người Nùng có lễ hội Lòng tòng (xuống đồng)...; người Dao có lễ hội Cấp sắc, lễ hội Tết nháy....; người Khmer có lễ hội Chol Chnam Thmây (lễ vào năm mới), OkOmbok (lễ cúng trăng), Kumsan Phumsrok (lễ cầu an), Pith-sên đon ta (lễ cúng ông bà)... Đặc biệt, lễ hội của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên đã hình thành nên “không gian văn hóa cộng chiêng”, một hình thái văn hóa được tổ chức UNESCO công nhận là di sản truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại, ngày 15-11-2005.

2. Phát huy các giá trị văn hóa tín ngưỡng truyền thống

Qua gần 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, đời sống kinh tế - xã hội vùng đồng bào các dân tộc thiểu số đã có những thay đổi căn bản và theo chiều hướng tích cực. Ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp dần bị loại bỏ và thay thế là nền kinh tế hàng hóa. Quá trình đẩy mạnh CNH, HDH cùng với quá trình xây dựng nông thôn mới đã tác động, làm cho diện mạo vùng đồng bào các dân tộc thiểu số được đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện đáng kể. Quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, trong đó có văn hóa tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số. Đồng thời, nhiều giá trị văn hóa mới, tiên bộ được tiếp biến vào trong văn hóa tín ngưỡng của đồng bào, làm cho hệ giá trị văn hóa

tín ngưỡng phong phú hơn, mang ý nghĩa nhân văn hơn.

Cùng với những biến đổi mạnh mẽ về kinh tế - xã hội từ kết quả của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, các tín ngưỡng truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cũng có xu hướng phục hồi và phát triển, tạo điều kiện thuận lợi để văn hóa tín ngưỡng tiếp tục lan tỏa trong cộng đồng. Trong quá trình chuyển đổi từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại, văn hóa tín ngưỡng của đồng bào có những biến đổi để thích nghi, phù hợp hơn với cuộc sống hiện thực. Nhiều nghi lễ tín ngưỡng trước đây kéo dài nhiều ngày, nay rút gọn lại; nhiều phương tiện hiện đại được sử dụng trong sinh hoạt tín ngưỡng; một số biểu tượng văn hóa tín ngưỡng được diễn giải theo ý nghĩa mới; các loại hình văn hóa ngoài việc chuyên tái niềm tin vào đấng siêu nhiên còn được nhấn mạnh hơn ý nghĩa nhân sinh đối với cá nhân, cộng đồng làng bản. Đặc biệt, với sự tác động của quá trình mở rộng giao lưu, hội nhập, sự hỗ trợ đắc lực của các phương tiện thông tin hiện đại, nhiều giá trị văn hóa tín ngưỡng không chỉ tồn tại trong từng thôn bản, buôn làng hay từng dân tộc mà còn lan tỏa rộng rãi cả trong và ngoài nước. Như vậy, sự phát triển của xã hội hiện đại, nhất là quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lĩnh vực văn hóa càng được đặc biệt coi trọng; tạo cơ hội để văn hóa tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số khẳng định vai trò xã hội cũng như những điều kiện thuận lợi để tiếp biến các giá trị mới, tiến bộ của thời đại.

Tuy nhiên, văn hóa tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc thiểu số cũng đang đối diện với nhiều thách thức. Mặt trái của kinh tế thị trường tác động không nhỏ đối với sinh hoạt tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng truyền thống

của các dân tộc thiểu số rất rõ nét. Nhuều hoạt động văn hóa tín ngưỡng trước đây vốn là sinh hoạt tâm linh có tính dân gian, thì nay bị “sản khâu hóa”, phô trương, hình thức và nhạt là thiếu vắng sáng tạo của quần chúng nhân dân. Bên cạnh đó, cùng với quá trình di cư, chuyển dịch dân số, lao động, việc làm đã làm cho nhiều loại hình văn hóa tín ngưỡng vốn gắn với cộng đồng buôn làng, mường bản bị mai một hoặc biến dạng...

Đặc biệt, thách thức lớn nhất đặt ra cho tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số là sự xâm nhập của các tôn giáo độc thần và sự xuất hiện các hiện tượng tôn giáo mới hay còn gọi là các “đạo lạ”. Trong thời gian qua, đạo Tin lành đã xâm nhập một cách ồ ạt vào trong các cộng đồng dân tộc thiểu số nước ta. Bằng nhiều con đường, nhiều cách thức truyền đạo khác nhau, kể cả truyền đạo trái pháp luật và đặc biệt là với việc sử dụng các phương tiện hiện đại, đạo Tin lành đã xâm nhập được vào nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số, từ các dân tộc thuộc vùng núi phía Bắc cho đến Trường Sơn - Tây Nguyên và cả trong cộng đồng đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ vốn có truyền thống gắn bó với Phật giáo Nam tông.

Trong thời gian gần đây, trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số xuất hiện một số hiện tượng tôn giáo mới. Đặc trưng của những hiện tượng tôn giáo này là sự pha trộn giữa một số yếu tố của tín ngưỡng truyền thống, một số yếu tố của tôn giáo và thậm chí lợi dụng cả hình ảnh, uy tín của các anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, những người có công với đất nước để truyền đạo. Không ít hiện tượng tôn giáo mới có tính chất phi nhân tính, phản nhân văn, trái với thuần phong mĩ tục của dân tộc. Những hiện tượng tôn giáo mới này khi được truyền

và trong đồng bào dân tộc thiểu số một mặt làm xói mòn các giá trị tốt đẹp của văn hóa tín ngưỡng truyền thống, mặt khác làm gia tăng nê tín hủ tục, nhiều khi gây tổn hại sức khỏe và tài sản của người dân.

Trước thực trạng và những vấn đề đặt ra iệc bảo tồn và phát huy văn hóa tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số trong giai đoạn hiện nay là cấp thiết, cần chú ý một số vấn đề sau:

Thứ nhất, nhận thức sâu sắc hơn về đặc điểm, vai trò của văn hóa tín ngưỡng cũng như tính chất yêu biển đổi của nó trước ác động của thời đại. Đã có thời kỳ, chúng ta chưa lánh giá thật đúng mức vai trò quan trọng của văn hóa tín ngưỡng trong cộng đồng các dân tộc thiểu số mà chỉ chú ý tới việc “cải ạo” làm sao để bớt tính mê tín, hủ tục. Hệ quả là, đã ạo ra một “khoảng trống”

về văn hóa và tâm linh, vô hình chung tạo điều kiện để các tôn giáo ngoại nhập dễ dàng xâm nhập vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số nước a. Bởi vậy, rất cần sự thống nhất chung trong nhận thức về vai trò quan trọng của văn hóa tín ngưỡng trong xã hội hiện đại, đặc biệt là vai trò ‘đè kháng’ trước sự xâm nhập của các phản giá trị, phản văn hóa. Trước sự tác động mạnh mẽ của quá trình CNH,HĐH, của cơ chế thị trường và giao lưu hội nhập quốc tế, văn hóa tín ngưỡng tất yếu phải có sự biến đổi thích nghi và tồn tại. Mọi tác động nhằm bảo tồn văn hóa tín ngưỡng khó mang lại hiệu quả, nếu chỉ chú ý tới

phương diện “bảo tồn nguyên vẹn” mà không chú ý tới việc tạo điều kiện để các loại hình văn hóa tín ngưỡng tiếp biến các giá trị mới, phù hợp với tiến bộ xã hội.

Thứ hai, xác định rõ chủ thể chính bảo tồn và phát huy văn hóa tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số chính là đồng bào các dân tộc thiểu số. Một trong những nguyên nhân khiến việc bảo tồn và phát huy văn hóa tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc thiểu số chưa mang lại kết quả như mong muốn là vì nhiều khi chúng ta áp đặt ý chí chủ quan mà quên mất rằng, việc bảo tồn và phát huy đó là sự nghiệp của chính đồng bào dân tộc thiểu số, phải do đồng bào thực hiện vì cuộc sống của đồng bào. Một số nơi, các cấp ủy đảng, chính quyền tuyên truyền vận động người dân tham gia xây dựng đời sống văn hóa mới, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, nhưng

Văn hóa tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc thiểu số hết sức đa dạng, phong phú, giàu tính nhân văn và đậm đà bản sắc dân tộc. Trong giai đoạn hiện nay, văn hóa tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số đang chịu tác động mạnh mẽ của quá trình phát triển kinh tế - xã hội và giao lưu hội nhập quốc tế. Sự tác động của thời đại một mặt đem lại sinh khí mới, mặt khác đặt ra cho văn hóa tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số những thách thức rất khắc nghiệt.

người dân không mặn mà với các hoạt động đó, do họ cảm thấy xa lạ với các hoạt động văn hóa tín ngưỡng đã được “cách tân” đó. Chẳng hạn, ở một số nơi, chính quyền phục dựng lại lễ hội Xén bún, Xén Mường, nhưng đồng bào dân tộc Thái không tham gia bởi theo nhiều người dân, việc thay đổi hình thức tế lễ và đồ dùng tế lễ làm cho lễ thức trở nên giả tạo, khiến họ cảm thấy bất an vì bất kính với thần linh. Rõ ràng, đứng từ góc độ chủ thể văn hóa, các cấp ủy và chính quyền các cấp chỉ nên định hướng và tạo điều kiện để người dân thực hiện các hoạt động văn hóa tín ngưỡng, còn việc lựa chọn và “cải tiến”

hoạt động văn hóa tín ngưỡng phải để người dân quyết định. Mặt khác, trước tác động dữ dội của các luồng văn hóa khác nhau, với tâm lý tự ti có sẵn, không ít người dân tộc thiểu số sinh ra tư tưởng hổn ngoại. Bởi vậy, phải định hướng để đồng bào tích cực bảo tồn phát huy giá trị tốt đẹp của văn hóa tín ngưỡng truyền thống; cần phải làm cho đồng bào nhận thấy cái hay cái đẹp của văn hóa truyền thống nói chung và văn hóa tín ngưỡng nói riêng, từ đó tự tin và tự hào về truyền thống, về bản sắc dân tộc.

Thứ ba, “bảo tồn đồng” các loại hình văn hóa tín ngưỡng, làm cho văn hóa tín ngưỡng trở nên sống động trong sinh hoạt cộng đồng. Đã và đang có nhiều chương trình, dự án bảo tồn văn hóa truyền thống nói chung, văn hóa tín ngưỡng nói riêng của đồng bào dân tộc thiểu số, nhưng việc bảo tồn thường chỉ dừng lại ở “bảo tồn tĩnh”, như sưu tầm, phục dựng, trưng bày hiện vật, xuất bản ấn phẩm mô tả các sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng... Những việc làm đó là cần thiết, nhất là trong bối cảnh nhiều giá trị văn hóa tín ngưỡng của đồng bào có nguy cơ biến mất. Tuy nhiên, cùng với bảo tồn tĩnh, điều quan trọng hơn là bảo tồn động, tức là phải làm cho các sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng được thể hiện sống động trong cộng đồng mường bắn, buôn làng do người dân tạo dựng và hưởng thụ. Muốn vậy, các chương trình, dự án bảo tồn văn hóa tín ngưỡng phải xuất phát từ nhu cầu của từng cộng đồng dân tộc cụ thể, chứ không nên tạo ra “khuôn mẫu” rồi áp đặt cho các cộng đồng dân tộc khác nhau.

Thứ tư, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải hết sức chú trọng tới việc giúp đồng bào tổ chức lại cuộc sống theo hướng văn minh, tạo điều kiện cho văn hóa tín

ngưỡng biến đổi một cách tự nhiên để thích nghi với thời đại. Thực tế cho thấy, do kết quả của công cuộc đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, mức sống của đồng bào các dân tộc thiểu số được nâng lên, điều kiện vật chất được ít nhiều cải thiện... song nhiều người cảm thấy lạc lõng trước sự đổi thay quá nhanh, trước sự đào lộn cả về cơ cấu xã hội và hệ giá trị văn hóa. Bởi vậy, trong xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cần chú trọng tới việc giúp đồng bào tổ chức lại cuộc sống theo hướng vừa đảm bảo sự kết nối với truyền thống, vừa hướng đến những giá trị văn minh của thời đại. Khi cuộc sống được tổ chức một cách hợp lý, đời sống vật chất no đủ, đời sống tinh thần phong phú, đồng bào sẽ phát huy được vai trò chủ thể sáng tạo văn hóa, làm cho văn hóa tín ngưỡng không những được bảo tồn mà còn phát huy trong đời sống cộng đồng và xã hội. Và như vậy, văn hóa tín ngưỡng sẽ có điều kiện biến đổi một cách tự nhiên theo hướng duy trì bản sắc nhưng mang ý nghĩa nhân văn và tiến bộ hơn, vừa đáp ứng nhu cầu tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số, vừa góp phần làm phong phú cho nền văn hóa Việt Nam.

1. Xem Nguyễn Đăng Duy: *Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, H, 2001, tr. 24

2. Xem Ngô Đức Thịnh (Chủ biên): *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb KHXH, H, 2001, tr. 20.